

HỒI KÝ CỦA MỘT TÊN VIỆT CỘNG

Minh Võ

“Nhưng các đồng chí đảng viên không thể nào bị thuyết phục bởi những luận cứ tình cảm hay lẽ phải. Họ đã từ bỏ cả lương tâm lẫn cảm quan thực tiễn vì những tín điều tôn giáo chính trị mà họ cho rằng không thể sai lầm. Giữa niềm tin sắt thép và ngạo mạn của họ”.

Trương Như Tảng

Hai từ *Việt Cộng* (thường được người Mỹ gọi tắt là Vi-Xi (V.C.=Vietnamese communists) có nghĩa là người cộng sản Việt Nam. Trong thực tế chúng chỉ những kẻ theo cộng sản để chống chính quyền Quốc Gia, dù họ có phải là đảng viên cộng sản hay không. Cũng như trước kia có nhiều người theo Việt Minh kháng chiến chống Pháp mà Việt Minh thì do đảng cộng sản lãnh đạo, nhưng không phải ai kháng chiến chống Pháp cũng là cộng sản. Hơn nữa, trong sách bộ ngoại ngữ, hai tiếng “*Việt Cộng*” thường được dùng để chỉ lính hay cán bộ thuộc mặt trận “Giải Phóng Miền Nam”, chứ không phải bộ đội hay cán bộ miền Bắc. Nguyên cái phức tạp của nguồn gốc từ ngữ ấy cũng đã cho thấy phần nào khía cạnh phức tạp của cuộc chiến tranh quốc cộng trong ba thập niên.



Chính vì vậy Trương Như Tảng đã đề tựa cuốn hồi ký của ông là Hồi Ký của một *Việt Cộng* (nguyên văn bằng Pháp Ngữ: “*Mémoire d'un Vietcong*”, và bản dịch Anh Ngữ: “*A Vietcong Memoir*”). (1) Mà trong tác phẩm này ông lại cho biết ông không phải là đảng viên cộng sản Việt Nam, và nhiều thành viên trong Mặt trận cũng như trong “chính phủ lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam” cũng không phải là đảng viên cộng sản.

Trương Như Tảng
Nguồn: A Vietcong
Memoir

Với cương vị một cựu Bộ Trưởng tư pháp của “chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam”, là chính phủ đã được ngời ngang hàng với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa dưới quyền Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu tại hòa đàm Paris, Trương Như Tảng đã được người ngoại quốc hết sức chú ý khi ông rời bỏ hàng ngũ cộng sản, để tìm về với thế giới tự do. Nhất là khi ông cho ra cuốn hồi ký viết rất cẩn thận, gồm nhiều chi tiết lý thú lôi cuốn người đọc, như những đoạn tả cảnh sinh hoạt lén lút cực kỳ gian khổ trong rừng ở biên giới Việt Miên, hay cảnh cùng với hàng chục “*thuyền nhân*” chen chúc trên chiếc tàu nhỏ xíu lênh đênh trên biển cả trong một tuần lễ, với bao trắc trở, hiểm nguy.

Trong cuốn hồi ký này họ Trương cũng nói khá chi tiết về thân thế và công việc làm của ông trong vùng quốc gia cũng như ở ngoài “bung”, qua đó người đọc có thể biết thêm nhiều thủ đoạn, mưu mô mánh lỏi của đảng và sự việc những nhà trí thức miền Nam bị cộng sản đánh lừa và phản bội ra sao.

Ông hãnh diện được ở trong một gia đình mà cả 6 anh em đều thành đạt gần đúng như sự mong muốn và xếp đặt của cha ông, ngay từ khi ông mới 13 tuổi: Một Bác Sĩ, một Dược Sĩ, một Giám Đốc Ngân Hàng và 3 Kỹ Sư. Sau khi tốt nghiệp Trung Học Chasseloup-Laubat, là nơi ông có những người bạn nổi tiếng như Norodom Sihanouk, Dương Quỳnh Hoa, Phạm Ngọc Thảo v.v...ông được gia đình gửi sang Pháp du học. Ông là người con duy nhất trong gia đình không theo đúng lời dặn của cha là phải học Dược, vì đã bỏ khoa này nửa chừng để chuyển sang học Chính Trị và Luật. Ông đã thi đậu cao học chính trị và cử nhân luật năm 1951. Rồi đi theo cộng sản Pháp chống chiến tranh. Cha ông hiểu cộng sản. Gia đình ông đã bị điều đứng vì cộng sản. Cơ sở làm ăn buôn bán của gia đình ông bị cộng sản phá sạch. Vì vậy khi nghe tin ông theo cộng sản. Cha ông gọi ông về. Ông không về. Cha ông và cha vị hôn thê của ông bày mưu đưa cô này, lúc ấy mới 17 tuổi, sang Pháp làm đám cưới với ông, rồi đưa đi thăm thú nơi nọ nơi kia với mục đích làm ông mê vợ trẻ, quên chính trị. Nhưng ông lại thuyết phục được vợ theo chí hướng của ông mà cả hai coi là “chủ nghĩa yêu nước”. Đến nước này gia đình hai bên chỉ còn cách làm áp lực tài chính. Cắt chuyển ngân. Không tiếp tế

gì nữa. Trương Như Tảng bèn để vợ mang bầu về Sài Gòn còn mình ở lại đi rửa chén, gọt khoai kiếm tiền sinh sống ngõ hầu có thể tiếp tục theo hướng đi đã vạch sẵn. Nhưng rồi sau ông cũng mềm lòng vì thương gia đình, (cha ông không còn đủ tiền cho các anh em ông tiếp tục theo học). Ông về nước vào năm 1954. Ông đã kể rõ trường hợp đó trong hai chương 3 và 4 của cuốn hồi ký.

Khi mới chân ướt chân ráo tới Pháp ông đã được hân hạnh gặp Hồ chí Minh cũng vừa tới để thương thuyết với Sainteny. (1bis) Ông Hồ đã để cả một buổi chiều tiếp ông và một nữ sinh khác cũng người miền Nam tại phòng làm việc của phái đoàn Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà ở Fontainebleau. Cuộc gặp gỡ này đã để lại cho ông một kỷ niệm khó quên và những tình cảm sâu đậm dành cho ông Hồ, người luôn bắt ông phải gọi là “bác” chứ không được xưng hô là Hồ chủ tịch, hay chủ tịch. Cũng vì vậy cho nên khi về nước vào năm 1954, ông đã từ khước lời mời của những Võ Văn Hải, Ngô Khắc Tĩnh, Trần Hữu Thế là những người quốc gia chống cộng, để rồi chạy theo những người thuộc phe ông Hồ. Ngay từ 1958 ông đã bắt đầu hoạt động bí mật cho cộng sản, tại Sài Gòn. Sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, ông được cử làm Tổng Giám Đốc Công Ty Đường Việt Nam, một công ty quốc gia lớn với trên 5000 nhân viên. Trong thời gian này theo ông cho biết (2) ông đã hoạt động ngầm qua hai tổ chức thân cộng là “Phong trào Tự Quyết” và “Ủy ban bảo vệ Hòa Bình” do Bác Sĩ Phạm văn Huyền, cha của Nữ Luật Sư Ngô bá Thành, điều khiển. Năm 1967, do sự “phản bội” của Ba Trà, một cán bộ cộng sản khác, hành tung của ông bị bại lộ và ông bị cảnh sát quốc gia bắt giam. Nhờ có Trần Bạch Đằng (3) thu xếp với người Mỹ về trao đổi tù binh, ông được phóng thích cùng với vợ của Trần Bạch Đằng để ra bung hoạt động hẳn cho cộng sản cho đến năm 1976.

Ngày 8 tháng 6 năm 1969 Trương như Tảng được chỉ định vào chức vụ Bộ Trưởng bộ Tư Pháp của “chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam”, do Huỳnh Tấn Phát, một đảng viên cộng sản kỳ cựu, làm Thủ Tướng. Gần 6 năm trời, từ 08.06.1969 đến 30 tháng 4 năm 1975, trong cuốn hồi ký không hề thấy tác giả nói ông làm gì trong cái bộ đó và nó hoạt động ra sao. (4) Đó chính là một điểm khôi hài nhất của cái gọi là chính phủ kia, đồng thời cũng là một lỗ hổng to tướng của cuốn hồi ký.

Sau khi Sài Gòn thất thủ, Trương như Tảng có dịp liên lạc với gia đình thì được biết cha ông mới qua đời, con gái ông đã được Phu Nhân Tổng Thống Thiệu bảo trợ cho đi du học ở bên Mỹ, con trai ông cũng đã sang Pháp, còn mấy người anh em ông thì bị đi “học tập cải tạo”, trong đó có một người cho đến khi ông viết xong cuốn hồi ký (1985) vẫn còn ở trong tù. Ông buồn rầu nhớ lại lời cha ông nói lúc vào thăm ông trong nhà tù của Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia năm 1967:

Con à, ba không thể hiểu được con. Con đã bỏ tất cả (một gia đình êm ấm, hạnh phúc, giàu có) để đi theo bọn cộng sản. Chúng sẽ không cho lại con được mảy may những gì con đã bỏ đi. Rồi sẽ thấy. Chúng sẽ phản bội con và con sẽ khổ suốt đời. (5)

Ông cho rằng trước kia ông cùng với một số trí thức miền Nam khác vốn tin mình tranh đấu cho một miền Nam có một chế độ riêng, và thi hành chính sách hòa hợp hòa giải với phe quốc gia. Nhưng sau 30 tháng tư ông thấy những lời hứa hẹn, cam kết của những Tôn đức Thắng, Phạm văn Đông và Lê đức Thọ (trang 283-284) chỉ là giả dối. Chỉ một năm sau chiến thắng đảng đã hoàn tất việc thống nhất đất nước, nghĩa là giải tán chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam của nhóm các ông. Không có hòa hợp hòa giải. Không có chính phủ ba thành phần. Mà chỉ có đảng, một đảng duy nhất, từ danh xưng đảng lao động đã đổi ngay trở lại thành “đảng cộng sản Việt Nam”, như trước khi đảng này giả vờ tự giải tán một cách xảo quyệt ngày 11.11.1945. Hơn 300.000 người (con số tối thiểu của ông đưa ra) bị bắt giữ, không có xét xử và không biết ngày về, trong đó có anh em ruột thịt, bà con thân thích, bạn bè của ông, hay của những người tai to mặt lớn trong Mặt trận, kể cả con rể của Luật Sư Trịnh đình Thảo, người bạn vong niên của ông.

Vì đã tỉnh mộng, hết tin tưởng ở đảng nên khi được mời làm Thứ Trưởng Bộ Thực Phẩm và Tiếp Tế, ông đã từ chối khéo. Cảm nhận được sự bất mãn của ông, chính Võ văn Kiệt, lúc ấy là Bí Thư thành ủy Sài Gòn, đã tìm cách giải thích và khuyến dụ ông nhận một chức nhỏ hơn tại miền Nam. Nhưng ông đã lợi dụng sự tin cẩn của Kiệt để tính chuyện chuẩn bị vượt biên. Ngày 25 tháng 8 năm 1979 ông xuống thuyền làm "thuyền nhân" và hơn một tuần sau thì được một tàu hàng Singapore chở tới Đảo Galang, thuộc Indonesia, bắt đầu cuộc sống tha hương.

Bây giờ ta hãy xem trong cuốn hồi ký 350 trang của ông, Trương như Tảng đã viết gì về những nhân vật và tổ chức có ảnh hưởng quyết định đến tình hình Việt Nam trong những năm ông bắt đầu nhập cuộc.

Về ông Hồ Chí Minh:

Như đã nói, sinh viên Trương như Tảng, sau khi được gặp "chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa" tại Pháp, liền bị con người "khéo thu phục nhân tâm" này thu hút. Nhớ lại những giờ được gần ông Hồ trong hoàn cảnh thương thuyết có cơ thất bại ấy, Trương như Tảng nhận định:

(Lúc ấy) ông (Hồ) biết rõ ông đang đối diện với khả năng kết liễu sinh mạng chính trị của mình, bằng không thì cũng là một cuộc chiến cam go, đẫm máu. Chính trong lúc tâm trí bị những ý nghĩ đó dày vò mà ông đã dành cả một buổi chiều cho hai sinh viên trẻ miền Nam. Thật khó có thể nghĩ về một nhà lãnh đạo thế giới nào, trong hoàn cảnh tương tự, làm được như ông. (6)

Đầu năm 1969 phái đoàn Liên Minh Trịnh đình Thảo ra Bắc. Trương như Tảng tả cuộc đón tiếp như của một quốc trưởng, và được Hồ chí Minh đích thân tới thăm. Ông viết:

Thảo có phần nào ngạc nhiên thấy mình được trọng đãi như một quốc trưởng...Người ta cũng xếp chương trình để phái đoàn tới yết kiến Hồ chí Minh (lúc ấy đang bệnh nặng, và thực sự là chỉ mấy tháng sau ông qua đời). Nhưng ông Hồ, bằng một cử chỉ đặc sắc, đã từ chối không cho phái đoàn đến căn nhà gỗ của ông trong khuôn viên dinh chủ tịch. Thay vào đó ông đã gửi cho Thảo một thông điệp nói rằng đại diện của nhân dân miền Nam hào hùng không cần phải tới thăm ông, tốt hơn nên cho ông vinh dự đến thăm phái đoàn. (7)

Rồi ông Hồ đi vào cửa sau không có tiền hô hậu ủng và bắt gặp bà Thảo đang trang điểm. Ông Tảng viết:

Tất cả bọn họ cảm động nói không nên lời, vì cái vinh dự mà ông Hồ dành cho mình qua cử chỉ thân hữu giản dị đó. (trang 141)

Trong chương 16, nói về những lung củng với cán bộ miền Bắc, Trương như Tảng đã bênh ông Hồ, ngụ ý là nếu ông Hồ còn sống chắc không có những rắc rối, mâu thuẫn xảy ra. Ông cũng nói là nếu có cơ hội có lẽ ông Hồ đã thân thiện với Tây Phương chứ không đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, mặc dù ông ta đã bầu vúi lấy sự ủng hộ của cộng sản quốc tế như người sắp chết đuối vớ được cái phao. Lời lẽ của ông Tảng có vẻ cân nhắc, đắn đo:

...Nhưng ngay cả khi đắm mình trong chủ nghĩa Quốc Tế III và chủ nghĩa cách mạng chan hòa ông (Hồ) vẫn giữ mình ở vị thế cởi mở đối với những cơ hội có thể có. Viễn kiến chính trị độc đáo của ông phóng về trước hàng nhiều thập niên đã luôn luôn giữ lại sự bén nhạy đối với những lựa chọn và những đồng minh có thể có. Và những cơ hội đã đến, trong những năm 1944, 1945 khi ông điều khiển cuộc ve vãn với Mỹ ở cấp thấp, trong năm 1946 ở Fontainebleau khi ông nghĩ rằng có thể làm thân với Pháp, và cả năm 1954 khi chiến tranh với Pháp chấm dứt, và người Mỹ đứng trước sự lựa chọn của mình. (trang 190-191)

Trương như Tảng chê các chính quyền Mỹ (Eisenhower và Kennedy) đánh giá sai ông Hồ, cho rằng ông Hồ là dụng cụ của Trung Quốc dùng để thực hiện chủ nghĩa bá quyền mà không đếm xỉa đến sự toàn vẹn và sức mạnh của lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam. (trang 213)

Nhắc lại cuộc cải cách ruộng đất đẫm máu trong những năm 55-56, Trương Như Tảng cũng bênh ông Hồ bằng cách giải thích rằng khi biết là có sai lầm, ông Hồ đã hủy bỏ chiến

dịch cải cách và “trừng phạt” những kẻ có trách nhiệm. Ông còn viết: “Đoạn ông Hồ đã làm một cử chỉ bất thường là đích thân xin lỗi nhân dân, công nhận “đã có bất công”. (trang 300). (Trương như Tăng không biết rằng thực ra ông Hồ đã đẩy Võ nguyên Giáp, với hào quang chiến thắng Điện Biên còn rực rỡ, ra thay ông ta xin lỗi nhân dân. Chứ ông Hồ đã chẳng bao giờ đích thân xin lỗi đâu.)

Trong hồi ký của ông, Trương như Tăng đã nhiều lần nhắc đến những danh ngôn của ông Hồ và như vậy đã đề cao ông ta một cách gián tiếp. Chẳng hạn: “*Những lời ông Hồ nói với chúng tôi trong năm 1946, tôi luôn luôn canh cánh bên lòng: “Chúng ta phải chống giặc ngoại xâm, chống giặc đói, chống giặc dốt”. Để “thành công, thành công, đại thành công”, chúng ta phải “đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết”* (trang 26) hay: “*Càng gần chiến thắng, càng nhiều khó khăn*” (trang 239) Hoặc: “*Hồ Chí Minh đã viết rằng: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn. Nhưng chân lý đó không bao giờ thay đổi.”* (trang 282)

Về việc huấn luyện cán bộ của mặt trận “Dân Tộc Giải Phóng miền Nam”, Trương như Tăng bảo nhóm các ông không hề dạy thuyết Mác-xít. “*trái lại các huấn luyện viên chuyên chú vào việc khai thác những khẩu hiệu yêu nước của Bác Hồ như: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”*... (trang 264)

Quả thực ông Tăng đã coi Hồ chí Minh là thần tượng, là “cha già dân tộc”. Nơi trang 68 ông viết: “**Hồ chí Minh là cha thiêng liêng của phong trào ở miền Nam cũng như ở miền Bắc.**”

Về mặt trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam:

Trương như Tăng đã đề nguyên chương 7 (từ trang 63 đến trang 80) để nói về mặt trận này. Ông nói, vì thấy ông Diệm “*chỉ lo củng cố địa vị mà không làm gì cho dân cho nước*” cho nên ông cùng một số người muốn có một “*tổ chức chính trị ngoài vòng pháp luật*” (8) để thách đố sự độc quyền cai trị của ông Diệm. Ban đầu chỉ có chừng từ 8 đến 10 người họp bàn để dần dần đưa ra một chương trình hoạt động, trong số đó có hai Bác Sĩ: Dương quỳnh Hoa, Phùng văn Cung, Luật Sư Trịnh đình Thảo ông Nguyễn hữu Khương và Kiến Trúc Sư Huỳnh tấn Phát, về sau có thêm các ông Nguyễn văn Hiếu, Ung ngọc Kỳ, Nguyễn Long và Trần bửu Kiếm. 6 người trong số này thuộc ủy ban vận động gồm Trương như Tăng, các ông Hiếu, Kiếm, Kỳ, Long và Huỳnh tấn Phát.

Ông Tăng luôn đề ông Huỳnh tấn Phát xuống dưới, như thể không quan trọng. Nhưng Phát lại là người trụ chốt. Sau này ông ta là Thủ Tướng của chính phủ. Ông ta cũng là người đã gia nhập đảng cộng sản Đông Dương ngay từ 1940. Các ông Hiếu, Kỳ, Kiếm cũng vào đảng lao động (tức đảng cộng sản trá hình) từ năm 1951. Và ông Hiếu đảng viên này đã được phái ra Bắc để nhận sự chỉ dẫn của ông Hồ (!) trước khi hoàn tất cương lĩnh và chương trình hoạt động của mặt trận. (trang 71)

Ông Tăng nói rằng các ông muốn hoạt động trong phạm vi ôn hòa, chứ không chủ trương vũ trang, nếu có đôi lúc cần đến bạo động cũng chỉ nhằm mục tiêu chính trị, hơn là quân sự. Nhưng ông cũng cho biết là kể từ sau đại hội III của đảng lao động ở Hà Nội vào tháng 9 năm 1960 (9) với chủ trương dành ưu tiên cho việc giải phóng miền Nam, các ông đã quyết liệt hơn, không còn dè dặt, lúng túng nữa.

Dưới sự điều động của Huỳnh tấn Phát một toán biệt kích có bắt cóc Luật Sư Nguyễn Hữu Thọ đang bị chính quyền Quốc Gia giam lỏng ở Tuy Hòa. Nhưng họ đã thất bại. Cho nên khi tuyên bố ngày thành lập mặt trận 20 tháng 12 năm 1960 đã không có mặt vị chủ tịch. Trương như Tăng cũng mãi đến ngày 17 mới rời Sài Gòn lên “mật khu” qua ngã Tây Ninh để dự phiên họp ngày 19. Phiên họp cũng kết thúc vội vã vào sáng sớm ngày 20, rồi lập tức trở lại Sài Gòn, trong lòng mọi người đều phập phồng lo sợ không biết bị phát giác và bị bắt lúc nào.

Từ đầu đến cuối tuy tác giả vẫn nói cứng là chủ trương và công việc của các ông do các ông tự lo, nhưng lại cũng thuật lại mọi việc đều do Huỳnh tấn Phát điều động, kể cả việc

trình danh sách ủy ban lâm thời và việc chỉ định Nguyễn hữu Thọ, vắng mặt, làm chủ tịch và việc bắt cóc sảy ông chủ tịch mặt trận này, đáng lý phải có mặt trong buổi họp thành lập mặt trận.

Ông cũng cho biết ông là một trong những người tổ chức ra mặt trận ngay từ 1958. Nhưng cũng lại nói là mãi đến năm 1962 ông mới được bầu vào ủy ban trung ương của mặt trận. (trang 56)

Về ‘chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam’:

Trong chương 13 Trương Như Tảng cho biết đại hội của mặt trận nhằm thành lập và giới thiệu chính phủ được tổ chức ở mật khu sát biên giới Việt Miên vào ba ngày 6, 7 và 8 tháng 6 năm 1969. Nó có mục đích dẫn mặt Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa cũng tổ chức gặp nhau (Tổng Thống Nixon và Tổng Thống Thiệu) tại Midway cũng vào ngày 8, để Mỹ tuyên bố rút quân, mở đầu cho công cuộc Việt Nam hóa chiến tranh. (trang 147) Huỳnh tấn Phát đệ trình đại hội danh sách chính phủ vào ngày cuối của đại hội. Y được cử làm Thủ Tướng với Nguyễn thị Bình làm Ngoại Trưởng, Dương quỳnh Hoa làm Bộ Trưởng Y Tế và Trương như Tảng làm Bộ Trưởng Tư Pháp.

Trương như Tảng đã cân nhắc đắn đo khi nhận bộ này. Ông ta có nghĩ tới vụ nhiều người bị quân mặt trận và quân Bắc Việt thẩm sát ở Huế hồi Tết Mậu Thân và ông đã có lần chất vấn Huỳnh tấn Phát về việc này. Ông cũng có ác cảm với ‘‘thứ công lý cách mạng’’. Nhưng ông hy vọng dần dần ông có thể dùng quyền của mình thay đổi tình hình, hầu đi đến một chính phủ Liên Hiệp ở miền Nam. (trang 155)

Về lập trường của đảng đối với vấn đề hòa hợp hòa giải:

Trong chương 18 Trương như Tảng đã nói nhiều về lập trường hòa hợp hòa giải của ông và của mặt trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam cũng như của chính phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam và Liên Minh của Trịnh đình Thảo.

Tôi và các đồng nghiệp của tôi ước mong dùng những cuộc thảo luận này trước hết là để cam kết với nhau là phải đặt sự hòa hợp hòa giải lên trên hết, như một nguyên lý không thể lay chuyển của chính phủ... (trang 222)

Nhưng khi họp chính phủ ông mới ngã ngửa ra rằng ‘‘người ta’’ không muốn những thành phần tư sản, những kẻ đã tham gia chính quyền Việt Nam Cộng Hòa được hưởng chính sách hòa giải. Những người thuộc phe ông đã tranh luận gắt gao, viện dẫn lời ông Hồ về sự thống nhất tổ quốc, về nhu cầu xây dựng đất nước v.v... (trang 224 và 225)

Nhưng các đồng chí đảng viên không thể nào bị thuyết phục bởi những luận cứ tình cảm hay lẽ phải. Họ đã (tôi thấy dường như thế) từ bỏ cả lương tâm lẫn cảm quan thực dụng của họ để đổi lấy những tín điều tôn giáo chính trị mà họ cho rằng không thể sai lầm. Giữa niềm tin sắt thép và ngạo mạn của họ, không thể có chỗ cho thỏa hiệp.

Những cuộc tranh luận đã đưa đến sự rạn nứt cơ bản trong cách mạng (a fundamental split in the revolution, trang 225). Và Lê Duẩn đã phải lên tiếng giảng hòa bằng những lời lẽ mềm dẻo hơn:

‘‘Chính sách hòa hợp hòa giải dân tộc không trả thù là chiến lược trường kỳ và đó là đường lối chính trị và lập trường của Đảng, và cũng là lập trường của giai cấp công nhân.’’

Với lời nói trên của viên bí thư thứ nhất của đảng, nhóm ông Tảng hí hửng tưởng mình đã thắng. (10)

Bốn năm sau Trương Như Tảng và những nhà lãnh đạo mặt trận và chính phủ, ngoài đảng, mới vỡ lẽ ra rằng lời tuyên bố của Lê Duẩn chỉ là đòn phép, tuyệt chiêu của một tay đại bịp. Nhưng đã muộn.

Chú Thích:

1) Trích dẫn trong soạn phẩm này theo bản Anh ngữ ‘‘A Vietcong Memoir’’, viết chung với David Chanoff và Đoàn văn Toại, Harcourt Brace Jovanovich, San Diego, New York and London, 1985. (1bis) Cuộc thương thuyết này đã đưa đến hiệp ước sơ bộ 6.3.1946, được coi như một thất bại của Hồ chí Minh.

2) Sách Đã Dẫn trang 93-95.

3) Cán bộ tuyên vận cao cấp của cộng sản đặc trách Sài Gòn-Chợ Lớn lúc ấy. Ông là một cán bộ cộng sản thuộc loại trí thức miền Nam, bị “thất sủng” vì câu nói đại dốt tại một buổi họp: **“mọi phong trào ở thành phố đều thành công một cách lạ lùng. Chỉ có phong trào công nhân là xệ quá.”** (Sách Đã Dẫn trang 236) Trần Bạch Đằng, bí danh Tư Méo, bút hiệu Phương Triều, sau 75 còn có bút hiệu “Trường thiên Lý” với tiểu thuyết chính trị: “Ván Bài lật ngửa” đề cao Phạm ngọc Thảo trong nhân vật chính (Luân) đầy mưu lược trước mưu trí của Ngô Đình Nhu. Các đạo diễn cộng sản đã đưa tiểu thuyết này lên màn ảnh.

4) Trừ khi sắp sửa giải tán, sau 30 tháng tư 1975, ông có vận động với Phạm văn Đồng đề việc bắt bớ, giam giữ tại miền Nam, có quy củ, theo nguyên tắc pháp lý và đề nghị đưa ra một số luật lệ. Nhưng chính việc ông phải nhờ Thủ Tướng chính phủ miền Bắc can thiệp, làm áp lực với Thủ Tướng của ông (Huỳnh Tấn Phát), lại cũng là một chuyện khôi hài không tưởng tượng nổi của cái chính phủ của ông. Và cuối cùng, những luật lệ hay quy định của Bộ Tư Pháp của ông hay của chính phủ trung ương, miền Bắc của Phạm văn Đồng cũng chẳng có hiệu lực gì. Vì chính Trương như Tăng phải công nhận: **Cán bộ chỉ làm theo lệnh đảng, bất chấp pháp chế của cái gọi là chính phủ kia.** (Sách Đã Dẫn. Cuối trang 281, đầu trang 282 ông viết: *“Về phân bộ luật tội nghiệp của chúng tôi cũng chẳng đi đến đâu. Đã rõ ràng luật pháp được áp dụng cho cả miền Nam Việt Nam, nhưng lại bị đơn vị hành chính ngoài Sài Gòn coi như không có. Trong toàn quốc, việc cai trị nằm trong tay các cán bộ đảng đã quen nhận lệnh từ Bộ Chính Trị.”*

5) Sách đã dẫn trang 260

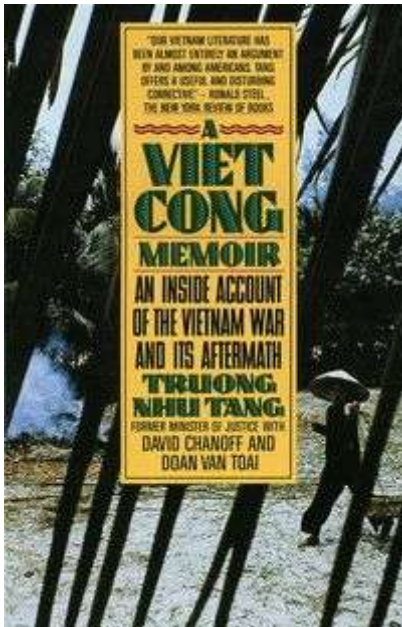
6) Sách đã dẫn trang 17

7) Sách đã dẫn trang 140

8) Sách đã dẫn trang 66, nguyên văn: “an extralegal political organization” (8) SDD trang 73.

10) Sách đã dẫn trang 225-226. Nguyên văn: “Reading Lê Duẩn's message, we knew we had won the essential victory”

Thêm về sự tráo trở của “đảng ta”



A Viet Cong Memmoir
wikipedia.org

Câu của Tổng Bí Thư đảng Lê Duẩn mà ông Tăng vừa trưng dẫn chứng tỏ đảng đã công khai và long trọng hứa sẽ có hòa hợp hòa giải và không trả thù. Nơi các trang 135, 183 và 184 Trương Như Tăng cũng cay cú nhắc lại những lời lẽ như đánh đong cột không những của Lê Duẩn, Tổng Bí Thư mà còn của một lô các nhà lãnh đạo khác như Tôn đức Thắng Chủ Tịch nước, Phạm văn Đồng Thủ Tướng, Lê đức Thọ Trưởng ban tổ chức trung ương đảng đầy quyền lực bên cạnh Lê Duẩn. Những lời tuyên bố và khẩu hiệu có nội dung tương tự cứ ra rả nhắc đi nhắc lại trong báo, trên đài rờn rã hết năm này qua năm khác. Lần này không phải về vấn đề trả thù người quốc gia, mà là về vấn đề thống nhất đất nước.

Trong nhiều năm họ đã nghe Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa long trọng tuyên bố cam kết rằng “miền Nam là một tỉnh hưởng đặc biệt và duy nhất, rất khác miền Bắc”. Tổng Bí Thư Lê Duẩn đã nói: **“Miền Nam cần có chính sách riêng của miền Nam.”** Một khẩu hiệu hô vang: **“Xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Mở rộng cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam”**. Thủ Tướng Phạm văn Đồng thích tuyên bố với những khách nước ngoài đến thăm ông rằng: **“Chẳng ai lại có cái ý nghĩ ngu xuẩn và tội lỗi là thôn tính miền Nam”**. (trang

...Lập trường của Ủy ban trung ương đảng vẫn không thay đổi như lời tuyên bố của Tôn đức Thắng tại đại hội đảng kỳ III vào tháng 9 năm 1960: **“Do tình hình khác biệt giữa hai miền (Nam Bắc), miền Nam cần phải thực thi một chương trình phù hợp với tình hình riêng, trong khi vẫn hòa hợp với chương trình tổng quát của mặt trận Tổ Quốc. Miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, miền Bắc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.”** Những tình cảm đó dĩ nhiên đã được nhấn mạnh thêm cho người Tây phương. Phạm văn Đồng đã nói với nhiều khách nước ngoài rằng **“Làm sao chúng tôi lại có cái ý nghĩ ngu xuẩn và tội lỗi là thôn tính miền Nam ?”** Lê đức Thọ thì nói với báo chí thế giới: **“Chúng tôi không mong muốn áp đặt chế độ cộng sản cho miền Nam.”** Nhưng cả đường lối nội bộ đã được long trọng tuyên bố lần những bảo đảm có phần kém long trọng đã bị vứt vào thùng rác chỉ trong vòng mấy tháng sau chiến thắng. (trang 284)

Về cải cách ruộng đất và chiến dịch sửa sai:

Khi mới về nước ông Tăng có nghe nói về những cuộc tàn sát trong các cuộc đấu tố hồi 1955, 1956 ở miền Bắc nhưng ông cho rằng đó là do những người di cư có thành kiến với cộng sản bịa đặt hay phóng đại. Sau này nghĩa là vào những năm 70 ông mới chịu nhận là có thật. Trong chương 24 ông viết:

“Sai lầm được bên ngoài biết đến nhất là chiến dịch cải cách ruộng đất đẫm máu ở miền Bắc liên quan đến hàng ngàn người được gọi là địa chủ. Hầu hết họ chỉ thuần là những nông dân nghèo, chẳng may có một lô đất hơi lớn hơn những người hàng xóm...” (trang 300).

Nhưng ông lại bào chữa cho ông Hồ, và còn ca tụng **“ông Hồ đã làm một việc bất thường là đích thân xin lỗi nhân dân”**.

Về chiến dịch sửa sai và vụ Nhân Văn Giai Phẩm ông chỉ nhắc đến một người duy nhất là Thạc Sĩ Trần Đức Thảo: (trang 300)

Ông không bị tù hay hành hạ thân xác, nhưng công an bao vây, cô lập ông không cho ai tiếp xúc...Nếu ông Thảo tiếp xúc với ai, chẳng hạn một người bạn trên đường phố, thì người đó sẽ bị bắt giữ để điều tra. Bề ngoài xem ra triết gia sống cuộc đời bình thường. Nhưng thực tế ông sống như Robinson Crusoe, hoàn toàn cô độc, mặc dầu có nhiều người ở xung quanh. Ngay họ hàng thân thích cũng không được phép nói chuyện với ông. Đối với một trí thức như vậy là một sự tra tấn dã man.

Nhận xét sơ về tác giả “Hồi Ký của một Việt Cộng”:

Đọc xong cuốn hồi ký 350 trang viết bằng Anh Ngữ người đọc phải lấy làm ngạc nhiên: Một trí thức miền Nam, làm đến Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp của một chính phủ được ngồi ngang hàng với phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa tại hòa đàm Paris, lại tỏ ra ưu thời mẫn thế, biết hết chuyện chính trị, kinh tế Đông Tây kim cổ, như ông cho thấy ở nhiều trang sách của ông, vậy mà lắm lúc lại thơ ngây như con nít trong cái vai trò làm bung xung, con rối cho **“Bắc Việt”**. Chúng tôi dùng chữ **“Bắc Việt”**, vì đối với ông và một số cán bộ cộng sản miền Nam, dường như miền Bắc là một quốc gia khác quá xa lạ, ác cảm, nếu không nói là thù địch.

Nhưng ông lại tự mâu thuẫn: Mơ tưởng đến một chính phủ riêng của miền Nam Việt Nam, thân thiện nhưng độc lập với chính phủ miền Bắc. Kết cuộc không được như ý, ông oán chính quyền miền Bắc, không thêm hợp tác sau 1975, bỏ nước ra đi. Nếu sau **“đại thắng mùa xuân”** 30 tháng tư cái chính phủ của ông không bị giải tán và miền Nam được là một **“nước”** riêng chắc ông đã không bỏ nước ra đi, chịu cảnh lưu vong.

Một điều khác cũng hết sức lạ lùng là trong hồi ký ông đã nhắc đến không biết bao nhiêu lần vai trò quyết định của những lãnh tụ miền Bắc như Hồ chí Minh, Lê Duẩn và những nhân vật khác kém quan trọng như **“hai Xe Ngựa”**, ủy viên trung ương đảng, Huỳnh tấn Phát, đảng viên kỳ cựu từ 1940, Nguyễn văn Hiếu, Ưng ngọc Kỳ, Tạ bá Tông, Trần bửu Kiếm, Trần bạch Đằng v.v...toàn những đảng viên ít nhất cũng từ 1951. Nào **“Hiếu được phái ra Hà Nội để nhận chỉ thị của ông Hồ”** (trang 71). Nào tháng chạp năm 1964 Phát chỉ thị cho tôi... (trang 95). Nào Phát giới thiệu tôi với Hai Xe Ngựa, ủy viên trung ương đảng lao

động (giữ chương trình đại hội thành lập mặt trận) (trang 77). Nào Lê Duẩn can thiệp trong cuộc tranh chấp giữa nhóm trong đảng và nhóm ngoài đảng v.v... (trang 226). Rồi cái “phong cách bệ rạc” của ông khi được “mời ra bung” dự đại hội. Con đường ông đi. Nơi ông hội họp. Sự vắng mặt của chủ tịch trong lúc ra mắt. Sự bố trí của đảng viên Huỳnh Tấn Phát nhằm bắt cóc một trí thức Nguyễn Hữu Thọ để ngồi làm vị trong chức chủ tịch. v.v... và biết bao điều khác tương tự, chứng tỏ nhóm ông chẳng có chút quyền hành gì. Vậy mà lúc ấy các ông cứ nhắm mắt làm theo hiệu lệnh của đảng, như những con rối. Tại sao lại phải cho đến 1976 các ông mới nhìn thấy mình bị lừa, trong khi Vũ Thư Hiên, con Vũ Đình Huỳnh, viết trong hồi ký “*Đêm Giữa Ban Ngày*” của ông ta rằng: Trẻ con miền Bắc cũng biết mặt trận giải phóng là do miền Bắc dựng nên, (11) nghĩa là chỉ là dụng cụ của đảng. Tôi không dám bảo tác giả không trung thật. Nhưng tôi thấy như vậy dường như ông và cả nhóm các ông quá ngây thơ.

Nhưng trí thức Việt Nam chẻ nhẽ lại ngây thơ đến thế ư? Vậy thì câu trả lời ở đâu? Vấn đề không đơn giản. Chúng tôi đã dành gần trăm trang sách để lý giải trong cuốn *Phản Tỉnh Pháng Kháng Thực Hay Hư*, chương tổng kết.

Một điều có thể nói ngay ở đây là chẳng những ông Tảng mà còn nhiều nhà trí thức khác từng đi theo cộng sản xem ông Hồ như một con người biệt lập, độc lập hoàn toàn tách rời khỏi đảng cộng sản Việt Nam. Sờ dĩ họ bị lừa bị thu hút quá mạnh bởi con người này là vì ông Hồ quá tài tình trong việc đóng vai người yêu nước.

Đọc bài *Kẻ Bị Va Tuyệt Thông* nói về trường hợp Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường (12) đăng trên DCV Online cách nay hơn một tuần, một số độc giả nêu thắc mắc, tại sao những bộ óc thông minh như ông mà lại không biết về bản chất sai lạc xấu xa của cộng sản, nhất là lại dễ bị ông Hồ lừa mị như vậy. Chúng tôi nghĩ nên nhân dịp này tóm tắt trong mấy hàng để giải tỏa thắc mắc ấy, nếu như quý bạn có thể coi đó là một cách giải tỏa thích đáng.

Nguyễn Mạnh Tường mài miệt cắm đầu học Luật và Văn, không có thì giờ nghiên cứu về cộng sản. Lúc ấy chủ nghĩa cộng sản của Mác đang được đại đa số trí thức trên thế giới đón nhận như một trào lưu tư tưởng tiên bộ cả về khoa học, tư tưởng lẫn về lý tưởng xã hội. Những thực trạng bi đát xảy ra trong xã hội Xô Viết còn bị bung bít, bên ngoài chưa biết nhiều như sau khi các tác phẩm của Arthur Koestler, André Gide, Kravchenko, Boris Pasternak, Sakharov Solzhenitsyn, Gerad De Tongas, George Orwell v.v...sau này đã tiết lộ...Cho nên lúc ấy những đại trí thức như Jean Paul Sartre, Pablo Picasso, Tagore (Rabindranath, 1861-1941) Bertrand Roussel v.v...hãy còn hết lời ca tụng Mác. Cho nên ông Tường có thích cộng sản cũng không lạ lắm. Có lẽ ông không có thì giờ để tự hỏi và phê phán về những luận cứ khoa học, triết học, mà Mác khiên cưỡng trình bày trong những tác phẩm đồ sộ liên quan đến quyền tư hữu, cách mạng bạo lực, chuyên chính vô sản, giai cấp đấu tranh, giá trị thặng dư, hay sự giãy chết của tư bản, và chế độ đại đồng, một thứ thiên đường ở trần gian v.v...

Thứ hai, Lúc ấy (đầu thập niên 30) trí thức Việt Nam chưa ai hiểu rõ thân thế sự nghiệp của ông Hồ, nhiều người vẫn cho ông là một nhà ái quốc, có chí hướng giành độc lập cho tổ quốc. Cho nên sau 6 năm về nước, nghe tiếng Hồ chí Minh, ông Tường ra bung đi theo “kháng chiến” (1942) là điều cũng dễ hiểu. Lúc ấy trong nước, thiếu gì trí thức bị ông Hồ chiêu dụ? Không cứ chỉ những Dương Đức Hiền, Đào Duy Anh, Nghiêm Xuân Yêm, Nguyễn Xiển, Nguyễn Bách Khoa, Nguyễn Đình Thi v.v...đi theo, mà cả nhiều nhà cách mạng như Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh... cũng bị ông Hồ đánh lừa để hợp tác, tức gián tiếp ủng hộ, trong chiêu bài chính phủ liên hiệp lúc ban đầu hồi 1945-1946.

Khi không hiểu rõ sự sai lầm và độc ác của cộng sản, lại bị một gián điệp quốc tế cỡ Hồ chí Minh dùng lời đường mật thu phục, thì sa bẫy là chuyện dễ hiểu. Đến khi tỉnh mộng thì tay đã nhúng chàm! Khi phê bình chê trách hay lên án ông Nguyễn Mạnh Tường thiết tưởng cũng nên thử đặt mình vào địa vị ông vào thời điểm ấy mới công bình. Mà dù ông có lầm đi theo cộng sản trong một thời gian vẫn chẳng nữa thì những bài tham luận hùng hồn của

ông vào tháng 10.1956, nhất là cuốn hồi ký *Un Excommunié* của ông cũng đã đủ để hậu thế hiểu rõ con người và tư cách của ông.



Minh Võ

Có lẽ đối với phần đông các nhà trí thức từng theo cộng sản vì làm nhưng về sau có những hành động hay tác phẩm biểu lộ sự phản tỉnh phản kháng chúng ta cũng nên xét đoán một cách rộng lượng tương tự. Đừng bắt họ phải có lập trường chống cộng dứt khoát ngay từ đầu giống những Nguyễn Xuân Vinh (dứt khoát chạy trốn cộng Sản từ 1954) hay Dương Nguyệt Ánh (theo cha mẹ chạy trốn cộng sản từ 1975) (13). Hai khoa học gia lỗi lạc này cũng như nhiều nhà trí thức khác xuất thân từ chế độ tự do dân chủ miền Nam trước đây đã có nhiều cơ hội để biết rõ về sự ác độc, tàn bạo của chủ nghĩa cộng sản rồi.

Trở lại trường hợp của “*Việt Cộng Trương Như Tảng*”, chúng tôi hy vọng thời gian sẽ cho ông hiểu thêm về con người, cuồng vọng và sự cuồng tín của Hồ chí Minh đối với chủ nghĩa cộng sản. Ông Hồ đã được lãnh tụ Liên Xô cũ là Nikita Khrushchev ca ngợi là vị thánh, vị tông đồ của chủ nghĩa cộng sản. Lãnh tụ Liên Xô kêu gọi các người cộng sản hãy quỳ gối trước ông Hồ để tỏ lòng biết ơn ông ta vì nhờ có ông ta mà “*giờ đây (Những năm cuối thập niên 60, đầu thập niên 70 MV) dân Việt Nam đang đổ máu và hiến mạng sống mình vì lợi ích của phong trào cộng sản thế giới*”.

Đọc những hàng chữ trên (trong Hồi Ký Khrushchev Remembers, tập I, trang 487, cuối chương 19), vị cựu Bộ Trưởng Tư Pháp họ Trương có còn dám nói ông Hồ, không giống đệ tử của ông, đã chiến đấu vì nền độc lập và thống nhất Tổ Quốc không ? (14).

Chú Thích:

11) *Đêm Giữa Ban Ngày* trang 469. Và trước Vũ thư Hiên 34 năm, Minh Võ trong cuốn “*Sách Lược Xâm Lăng Của Cộng Sản*”, xuất bản năm 1963, tái bản năm 1970 cũng đã nói rất kỹ về việc cộng sản miền Bắc dựng nên cái mặt trận này ra sao. (trang 134 -143)

12) *Kẻ bị vạ tuyệt Thông*, Minh Võ, 7-8.06.2007

Nhân bài *Kẻ Bị Vạ Tuyệt Thông* đăng trên DCV Online, có hai bạn đọc cho rằng không thể nào có chuyện lấy một lúc 2 bằng Tiến Sĩ Văn và Luật chỉ trong có 4 năm. Để gián tiếp trả lời thắc mắc này, chúng tôi xin trích đăng một tài liệu khả tín sau đây.

Trích: Tiểu Sử Nguyễn Mạnh Tường

(Bách khoa toàn thư mở Wikipedia)

Nguyễn Mạnh Tường (1909-13 tháng 6.1997) là một Luật Sư và Giáo Sư Việt Nam.

Tiểu sử

Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường sinh năm 1909 tại Phố Hàng Đào, Hà Nội. Ông theo học tại Trường Albert Sarraut Hà Nội và đỗ Tú Tài năm 16 tuổi. Sau đó du học tại Đại Học Montpellier ở miền Nam nước Pháp năm 1927. Khi mới 22 tuổi ông trở thành người Việt đầu tiên đỗ hai bằng Tiến Sĩ tại Pháp: Ưu hạng Luật Khoa (Luận án *L'individu dans la vieille cité annamite*, Code des Lê, D.E., Droit, Montpellier, Imp. de la Presse Montpellier 1932) và Tiến Sĩ Quốc Gia Văn Chương (với luận án *L'Annam dans la littérature française*, D.E., Lettres, Montpellier 1932). Báo chí thời ấy đã coi người thanh niên Việt Nam trong bốn năm đỗ 2 bằng Tiến Sĩ là hiện tượng chưa từng có trong nền giáo dục Đại Học Pháp. Bạn tri âm của ông là Nguyễn Văn Huyền, người cũng làm Luận án Tiến Sĩ Văn Khoa tại Pháp.

Trở về Việt Nam năm 1936, Nguyễn Mạnh Tường dạy văn học Pháp ở Trường Trung Học Bảo Hộ (Lycée du Protectorat), hay còn gọi là Trường Bưởi (từ 1945 đổi tên thành Trường Trung Học Chu Văn An). Bất mãn với chính sách kỳ thị của Pháp khiến ông bỏ dạy và mở văn phòng Luật Sư.

Trong thời gian tham gia kháng chiến chống Pháp ông làm Luật Sư và dạy học tại Thanh Hóa và khu ba nói chung. Đến khi hòa bình lập lại năm 1954, ông trở về Hà Nội, là Giáo Sư Trường Đại Học Văn Khoa (nay là Đại Học Quốc Gia Hà Nội)

Sau 1954 ông giữ các chức vụ Trưởng Khoa Đại Học Luật Hà Nội, Phó Chủ tịch Hội Luật Gia Việt Nam, Chủ tịch Đoàn Luật Sư, Phó Trưởng Khoa Đại Học Sư Phạm Hà Nội, thành viên Ủy ban trung ương Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, thành viên của Hội Hữu nghị Việt-Pháp, Hội Hữu nghị Việt-Xô và Ủy ban Bảo Vệ Hòa Bình Thế Giới, sáng lập viên Câu Lạc Bộ Đoàn Kết, Phó Hiệu Trưởng Trường Đại Học Sư Phạm Hà Nội, chuyên viên nghiên cứu giáo dục. Ông tham gia phái đoàn chính phủ dự hội nghị đàm phán ở Đà Lạt, dự các hội nghị hòa bình thế giới ở Bắc Kinh và Wien.

Ngày 30 tháng 10 năm 1956 Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường, với tư cách thành viên của Mặt trận tổ quốc, đã đọc một bài diễn văn tại một cuộc họp của Mặt trận tổ quốc ở Hà Nội, phân tích sâu sắc những sai lầm của đảng và nhà nước trong cải cách ruộng đất và đề ra phương hướng tránh mắc lại. Sau phát biểu này, ông bị tước hết mọi chức vụ và danh vị nghề nghiệp.

Ông mất ngày 13 tháng 6 năm 1997 tại Hà Nội, thọ 88 tuổi. Trong sổ tang tưởng niệm nhà trí thức Nguyễn Mạnh Tường, Tổng Bí Thư đảng cộng sản Việt Nam Đỗ Mười đã ghi

“...Vô cùng thương tiếc Giáo Sư-Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường. Một trí thức yêu nước đã có cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất tổ quốc và góp phần xây dựng nền giáo dục của Việt Nam”.

Tác phẩm:

- Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường để lại 14 tác phẩm bằng tiếng Pháp và 4 tác phẩm tiếng Việt.

- Văn Phạm Việt Nam (cùng Bùi Kỳ, Trần Trọng Kim) (1941)

- Việt Nam Tự Điển (Hội Khai Trí Tiến Đức)

- Construction de l'Orient (1937)

- Sourires et Larmes d'une Jeunesse (1937)

- Pierres de France (1940)

- Apprentissage de la Méditerranée (1940)

- Le Voyage et le Sentiment (1940)

- Một Cuộc Hành Trình (1955)

- Un Excommunié-HàNội: 1954-1991: Procès d'un intellectuel (Kẻ bị khai trừ-HàNội 54-92: bản án một người trí thức) Quê Mẹ Paris xb 1992

- Lý luận giáo dục châu Âu: Từ Érasme tới Rousseau thế kỷ XVI, XVII, XVIII - Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội - 1994) 530 trang

- Aikhylos (Eschyle) và bi kịch cổ đại Hi Lạp - Nhà xuất bản Giáo dục (1996)

- Virgile - nhà thơ vĩ đại của thời kỳ La mã cổ đại- Nhà xuất bản Khoa học Xã hội (1996) 342 trang

13) Dương Nguyệt Ánh, năm nay 47 tuổi, người phát minh ra một loại bom (thermalbaric) độc nhất vô nhị làm rút vắn cuộc chiến tranh chống khủng bố tại Afganistan.

Hiện là Cố Vấn của Lầu Năm Góc (Bộ Quốc Phòng),

14) Xin xem Hồ Chí Minh, nhận định tổng hợp, lần tái bản 2006, trang 461-462 để biết thêm chi tiết.